

Bản án số: 28/2026/DS - ST

Ngày: 15/5/2026

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Thu và bà Hồ Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An.

- Đại diện VKS nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Phương Quỳnh.

Ngày 15 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An, xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 98/2025/TLST-DS, ngày 30 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2026/QĐXXST - DS ngày 28 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1964; CCCD: 040164018156.

Địa chỉ: K, phường Q, tỉnh Nghệ An; có mặt

- Bị đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1983; CCCD:

Địa chỉ: K, phường Q, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà và chị Lê Thị L quen biết nhau từ lâu vì là người trong xóm và cho chị L vay bắt đầu từ năm 2008. Tổng số tiền mà chị L đã vay của bà là 1.367.000.000 đồng. Đối với số tiền 118.000.000 đồng là số nợ gốc mới ngày 02/3/2014. Giấy vay ngày 02/3/2014 là do chị L viết và ký. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng bằng miệng. Đến ngày 14/4/2025 thì bà và chị L đã chốt nợ lãi của khoản vay này

là 154.000.000 đồng. Sau thời gian chót nợ lãi này thì chị L đã trả đủ tiền gốc 118.000.000 đồng, còn tiền lãi thì chị L đã trả được 27.000.000 đồng. Theo giấy chót ngày 14/4/2025 thì từ ngày 14/4/2025 hẹn một tháng trả một lần và đến ngày 30/12/2025 sẽ trả hết. Trong thời gian này thì chị L đã trả cho bà 3 lần, tổng là 27.000.000 đồng. Từ 21/12/2025 đến nay chị L không trả cho bà nữa.

Đối với mục 60.000.000 đồng và 250.000.000 đồng và 70.000.000 đồng là khoản nợ riêng, nợ khác khoản 118.000.000 đồng. Vì chị L có vay của bà nhiều lần nên thường hay ghi trong 1 giấy. Đây là số tiền cả gốc cả lãi. Hai bên hẹn vài tháng sau sẽ trả nhưng từ đó đến nay mặc dù bà D nhiều lần đòi nợ chị L, nhưng chị L vẫn không trả. Vì vậy nay bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị L trả cho bà số tiền 127.000.000 đồng tiền lãi của khoản 118.000.000 đồng và 380.000.000 đồng của ba khoản vay khác nhau theo giấy vay ngày 2/3/2014. Về lãi suất, bà D không yêu cầu chị L trả.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn chị Lê Thị L trình bày:

Chị thống nhất vợ chồng chị có vay của bà D nhiều lần nhưng ngày 2/3/2014 thì có vay 118.000.000 đồng và chót số nợ gốc nợ lãi của 3 khoản khác nhau là 60.000.000 đồng; khoản 250.000.000 đồng và khoản 70.000.000 đồng. Đối với khoản nợ 118.000.000 đồng thì hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 2.000đ/1.000.000đ/ngày. Đến ngày 14/4/2025, hai bên chót nợ lãi của khoản này là 154.000.000 đồng và hẹn đến ngày 30/12/2025 sẽ trả hết. Sau đó chị L cũng đã trả hết nợ gốc 118.000.000 đồng cho bà D và trả 7.000.000 đồng tiền lãi. Đến ngày 21/12/2025 thì chị trả tiếp số tiền lãi 10.000.000 đồng, sau ngày 21/12/2025 chị L trả thêm cho bà D 20.000.000 đồng nữa. Nên việc bà D cho rằng chị còn nợ số tiền lãi của khoản 118.000.000 đồng là không đúng. Việc chị trả số tiền lãi 7.000.000 đồng là tiền mặt; còn các lần khác là chuyển khoản cho bà D, nhưng chị không có tài liệu cung cấp. Đối với khoản 60.000.000 đồng; 250.000.000 đồng và 70.000.000 đồng là khoản nợ gồm khác gồm cả gốc và lãi chưa trả. Giấy vay ngày 2/3/2014 là do chị viết và ký, nhưng chị ký tên Long N là tên thường gọi của chị ở nhà, việc vay này không liên quan đến chồng chị. Nay bà D yêu cầu chị trả số tiền 127.000.000 đồng ở mục 118.000.000 đồng tiền gốc thì chị đồng ý; còn đối với các khoản vay 60.000.000 đồng; 250.000.000 đồng và 70.000.000 đồng thì do chưa tính toán lại nên chị chưa đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- nghệ An phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ thời điểm thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những

người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Lê Thị L phải trả nợ cho bà Nguyễn Thị D. Về án phí: Buộc chị Lê Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị D yêu cầu chị Lê Thị L trả nợ, các bên không đề nghị áp dụng thời hiệu, hơn nữa tại biên bản lấy lời khai và bản tự khai chị Lê Thị L thống nhất có vay tiền và hiện nay đang còn nợ tiền của bà D, nên căn cứ Điều 157 Bộ luật dân sự về Bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản; bị đơn có hộ khẩu thường trú tại khối A, phường Q nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An theo khoản 3, Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về việc Tòa án xét xử vắng mặt: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn chị Lê Thị L nhưng chị L vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét giấy vay ngày 2 tháng 3 năm 2014 dương lịch giữa bên cho vay là bà Nguyễn Thị D và bên vay là chị Lê Thị L được ký kết trên cơ sở tự nguyện, đúng quy định pháp luật nên. Giấy vay gồm nhiều khoản tiền khác nhau nhưng đều do chị L viết và ký. Chị L cũng thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị D 118.000.000 đồng từ năm 2014 và có lãi suất. Đến ngày 14/4/2025 hai bên thống nhất số tiền lãi của khoản vay này là 154.000.000 đồng. Giấy chốt nợ lãi này do bà D viết nhưng chị L có ký vào và thỏa thuận đến ngày 30/12/2025 trả hết tiền. Việc thỏa thuận chốt tiền lãi từ năm 2014 đến nay hai bên đều tự nguyện thực hiện, đúng mức lãi suất quy định nên giấy chốt nợ ngày 14/4/2025 có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Giấy chốt lãi thể hiện ngày 30/12/2025 trả hết nhưng đến nay chị L chưa trả hết cho bà D. Sau khi chốt lãi thì chị L đã trả cho bà D 118.000.000 đồng tiền gốc; còn tiền lãi bà D trình bày chị L đã trả được

cho bà D 27.000.000 đồng nhưng chị L cho rằng đã trả được 37.000.000 đồng. Tuy nhiên chị L cũng đồng ý trả 127.000.000 đồng như bà D yêu cầu. Nên cần chấp yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc chị L trả số tiền lãi 127.000.000 đồng theo giấy chốt nợ lãi ngày 14/4/2025.

[2.2]. Đối với khoản nợ 60.000.000 đồng; 250.000.000 đồng và 70.000.000 đồng được viết trong cùng một giấy vay ngày 2/3/2014 đều do chị L viết và ký, chị L và bà D đều thống nhất đây là các khoản tiền còn nợ gồm cả nợ gốc và nợ lãi. Đối với các khoản nợ này trong giấy không ghi thời hạn trả nợ và lãi suất, do đó xác định đây là hợp đồng vay không có lãi suất và không có kỳ hạn. Tuy nhiên đến ngày 18/10/2025 bà D đã gửi Thông báo đòi nợ cho chị L nên bà L được quyền khởi kiện chị L là phù hợp với quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự. Chị L cho rằng chưa tính toán lại các khoản này nên không thống nhất trả nhưng chị L đều thừa nhận đến ngày 02/3/2014 chị L còn nợ bà D các khoản nợ trên và cho đến nay chị L cũng không đưa ra được các tài liệu chứng cứ nào thể hiện việc đã trả các khoản nợ 60.000.000 đồng; 250.000.000 đồng và 70.000.000 đồng. Do đó việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 60.000.000 đồng; 250.000.000 đồng và 70.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị D là có căn cứ chấp nhận.

Như vậy cần chấp nhận buộc chị Lê Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị D tổng số tiền 127.000.000 đồng theo giấy chốt nợ ngày 14/4/2025 và trả số tiền 380.000.000 đồng theo giấy vay ngày 2/3/2014, tổng cộng là 507.000.000 đồng.

[3]. Bà D không yêu cầu tiền lãi của các khoản tiền trên nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 280, 357, 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; Các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D.

Buộc chị Lê Thị L thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 127.000.000 đồng theo giấy chốt nợ ngày 14/4/2025 và trả số tiền 380.000.000 đồng theo giấy vay ngày 02/3/2014.

3. Về án phí: Chị Lê Thị L phải nộp án phí sơ thẩm là 24.280.000 đồng.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND Khu vực 4 - Nghệ An;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Hà